

Trường THCS Trần Quang Khải

Tổ lịch sử - Địa lí

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ 1 Năm học 2024-2025

* Nội dung ôn tập: Tuần 1 đến tuần 15

- **Khối 6:**

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|--|---|--|
| 1 | Chương 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY | - Bài 4: Xã hội nguyên thủy | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 5: Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp | |
| 2 | Chương 3: XÃ HỘI CỔ ĐẠI | - Bài 6: Ai Cập cổ đại | |
| | | - Bài 7: Lương Hà cổ đại | |
| | | - Bài 8: Ấn Độ cổ đại | |
| | | - Bài 9: Trung Quốc cổ đại đến thế kỉ VII | |

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|---|---|--|
| 1 | Chương 2: TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI | - Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của trái đất và hệ quả | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 7: Chuyển động quanh mặt trời của trái đất và hệ quả | |
| 2 | Chương 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT | - Bài 9: Cấu tạo của trái đất. Các mảng kiến tạo. Động đất và núi lửa | |
| | | - Bài 10: Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản | |
| 3 | Chương 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU | - Bài 12: Lớp vỏ khí. Khối khí. Khí áp và gió trên trái đất | |

- Khối 7:

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|---|--|--|
| 1 | Chương 2: TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX | - Bài 6: Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 7: Các thành tựu văn hóa chủ yếu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX. | |
| 2 | Chương 3: ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX | - Bài 8: Vương triều Gúp-ta. | |
| | | - Bài 9: Vương triều Hồi giáo Đê-li. | |
| | | - Bài 10: Đế quốc Mô-gôn. | |
| 3 | Chương 4: ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI | - Bài 11: Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. | |

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|------------------------------|---|--|
| 1 | Chương 2: CHÂU Á | - Bài 5: Thiên nhiên Châu Á. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 6: Đặc điểm dân cư, xã hội Châu Á. | |
| | | - Bài 7: Bản đồ chính trị Châu Á, các khu vực của Châu Á. | |
| | | - Bài 8: Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở Châu Á. | |
| 2 | Chương 3: CHÂU PHI | - Bài 9: Thiên nhiên Châu Phi + Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước Châu Phi. + Đặc điểm tự nhiên Châu Phi: địa hình, khoáng sản, khí hậu. | |

- Khối 8:

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|---|--|----------------------------------|
| 1 | Chương 3: VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII | - Bài 5: Quá trình khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 6: Kinh tế, văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI đến XVIII. | |
| | | - Bài 7: Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỷ XVIII. | |
| | | - Bài 8: Phong trào Tây Sơn. | |
| 2 | Chương 4: CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX | - Bài 9: Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. | |

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|--|--|----------------------------------|
| 1 | Chương 1: ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM | - Bài 4: Đặc điểm chung của TNKS, sử dụng hợp lí TNKS. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| 2 | Chương 2: ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM | - Bài 6: Đặc điểm khí hậu. | |
| | | - Bài 8: Đặc điểm thủy văn. | |
| | | - Bài 9: Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam. | |

- Khối 9:

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú |
|----|---|---|----------------------------------|
| 1 | Chương 2: VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945 | - Bài 6: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm |
| | | - Bài 7: Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930-1939. | |
| | | - Bài 8: Cách mạng tháng 8 năm 1945. | |
| 2 | Chương 3: THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991 | - Bài 9: Chiến tranh lạnh (1947-1989). | |
| | | - Bài 10: Liên xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. | |
| | | - Bài 11: Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. | |

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

| TT | Chương/ Chủ đề | Nội dung/Đơn vị kiến thức | Ghi chú | |
|----|---|---|----------------------------------|--|
| 1 | Chương 2: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ VIỆT NAM | - Bài 4: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. | 5% giữa kì 1 0,5 điểm | |
| | | - Bài 6: Công nghiệp | | |
| | | - Bài 7: Dịch vụ | | |
| 2 | Chương 3: SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ | - Bài 9: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. | | |
| | | - Bài 11: Vùng đồng bằng sông Hồng. | | |

*** Thời gian làm bài: Tuần 18**

| THỨ | NGÀY THI | BUỔI | MÔN |
|-----|------------|-------|--------|
| Bảy | 28/12/2024 | Sáng | LSĐL 9 |
| Bảy | 28/12/2024 | Chiều | LSĐL 8 |
| Hai | 30/12/2024 | Sáng | LSĐL 7 |
| Hai | 30/12/2024 | Chiều | LSĐL 6 |

*** Quy định thời gian kiểm tra: 60 phút.**

- Quy định số lượng câu hỏi trắc nghiệm và tự luận.
- Hình thức: 60% điểm Trắc nghiệm và 40% điểm Tự luận.
- Mức độ nhận thức mỗi phân môn đảm bảo: 40% Nhận biết, 30% Thông hiểu, 30% Vận dụng
- Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10 - Điểm mỗi phân môn: 5đ (Sử: 5 điểm, Địa: 5 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM DẠNG THỨC 1: 16 câu (8 sử, 8 địa) - **4 điểm**

II. TRẮC NGHIỆM DẠNG THỨC 2 (Đúng/Sai): 1 câu (sử hoặc địa) - **1 điểm**

III. TRẮC NGHIỆM DẠNG THỨC 3 (trả lời ngắn): 4 câu (2 sử, 2 địa) - **1 điểm**

IV. TỰ LUẬN: 2 câu (1 sử, 1 địa) - **4 điểm**

-HẾT-